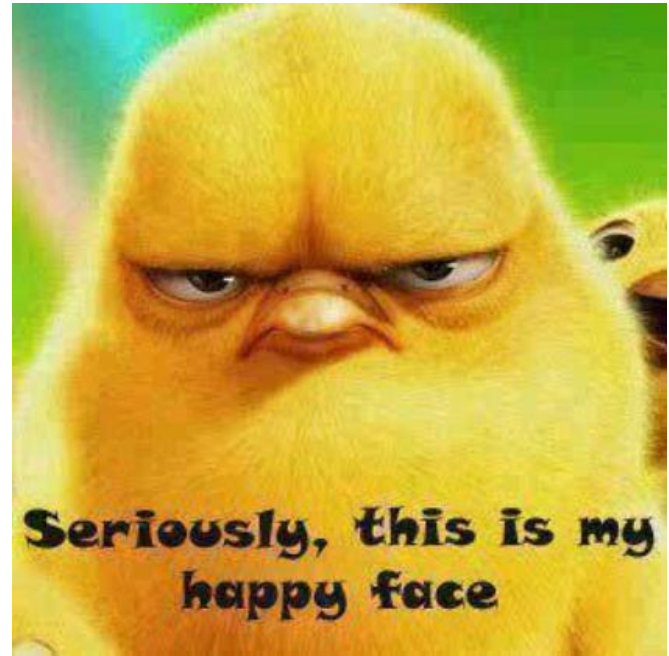


# 2013 年10月 5日

本周要点:

- 1) 拼音b,p,m,f
- 2) 从一到一百
- 3) 复习笔画



# 天气

今天是...???

晴天



阴天



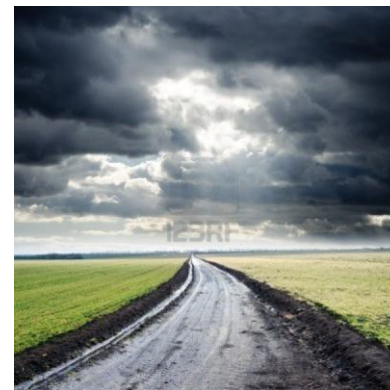
下雨天



下雪天



大风天



# 声母**b,p,m,f**+韵母**a,o,e,i,u,ü**

ba

pa

ma

fa

bo

po

mo

fo



me



bi

pi

mi



bu

pu

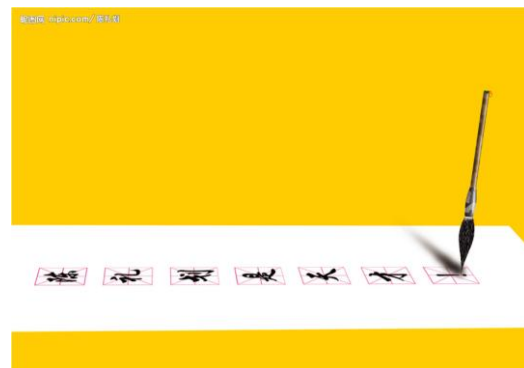
mu

fu



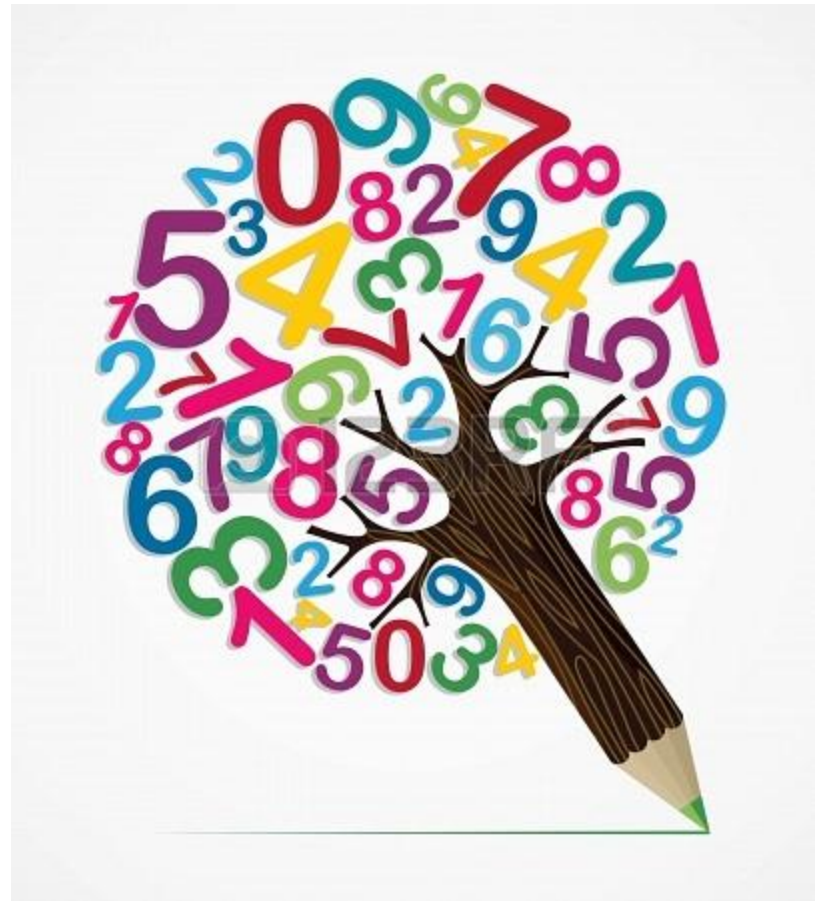
# 笔画

汉字笔画名称		点 zhǔ 主	一 héng 横 xià 下	丨 shù 竖 shí 十
ノ pá 撇 rén 人	㇏ nǎ 捺 bā 八	丶 tí 提 bīng 冰	㇇ pá 撇 nǚ 女	㇇ shù 竖 tí 提 yī 衣
㇇ héng zhé tí 横折提 shuō 说	㇇ wān gōu 弯钩 xiàng 象	丨 shù gōu 竖钩 xiǎo 小	㇇ shù wān gōu 竖弯钩 bào 包	㇇ xié gōu 斜钩 wǒ 我
㇇ wò gōu 卧钩 xīn 心	➔ héng gōu 横钩 nóng 农	㇇ héng zhé gōu 横折钩 yuè 月	㇇ héng zhé wān gōu 横折弯钩 jiǔ 九	㇇ héng pá wān gōu 横撇弯钩 yáng 阳
㇇ héng zhé zhé gōu 横折折钩 nǚ 奶	㇇ shù zhé zhé gōu 竖折折钩 niǎo 鸟	㇇ shù wān 竖弯 sì 四	㇇ héng wān gōu 横弯钩 chuán 船	㇇ héng zhé 横折 kǒu 口
㇇ shù zhé 竖折 shān 山	㇇ pá zhé 撇折 yún 云	㇇ héng pá 横撇 shuǐ 水	㇇ héng zhé zhé 横折折 jí 及	㇇ shù zhé pá 竖折撇 zhuān 专



# 从一数到一百

- 十 10
- 二十 20
- 三十 30
- 四十 40
- 五十 50
- 六十 60
- 七十 70
- 八十 80
- 九十 90
- 一百 100



# 从十数到二十

- 11 (10+1) 十一
- 12 (10+2) 十二
- 13 (10+3) 十三
- 14 (10+4) 十四
- 15 (10+5) 十五
- 16 (10+6)
- 17 (10+7)
- 18 (10+8)
- 19 (10+9)
- 20 二十

